

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14** /2021/HS-ST
Ngày 22-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thận.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Chiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Q, sinh ngày 05-6-1990 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 204, nhà A, khu định cư phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: Phòng 412, Chung cư H, phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; chung sống với Lê Thị H không đăng ký kết hôn; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: Có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản (theo Bản án số: 15/2017/HS-ST ngày 16-5-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T); tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 16-8-2007, bị Công an thành phố H xử phạt hành chính 100.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 14-3-2008, bị Ủy ban nhân dân phường P ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 06 tháng; ngày 16-01-2009, bị Ủy ban nhân dân tỉnh T ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng; ngày 17-11-2011, bị Công an thành phố H xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng; ngày 23-7-2012, bị Công an thành phố H xử phạt hành chính 3.500.000 đồng về hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; ngày 18-01-2017, bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh T xử phạt hành chính

1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25-3-2021 đến nay; *có mặt*.

2. Lê Thị H, sinh ngày 13-12-1991 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, phường H (nay là phường G), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: Phòng 412, Chung cư H, phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị B; chung sống với Trần Văn Q không đăng ký kết hôn; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

- *Bị hại*: Cháu Trần Thị N, sinh ngày 22-8-2005; trú tại: Thôn P, xã PA, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Trần Duy M, sinh năm 1979; trú tại: Thôn P, xã PA, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; là cha đẻ của cháu N; *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; trú tại: Phòng 412, Chung cư H, phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có mặt*.

- *Người làm chứng*: Chị Huỳnh Thị K, sinh năm 1985; *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 06-02-2021, Trần Văn Q có ý định chiếm đoạt tài sản bằng hình thức “móc túi” người đến mua sắm ở các chợ nên đã rủ Lê Thị H tham gia. Q dùng xe máy hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75K1-xxx.zz nguồn gốc của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L mua lại nhưng chưa đăng ký sang tên, chở H đến Chợ L thuộc xã H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; khi đến nơi, Q gửi xe máy ở bãi giữ xe, đưa chìa khóa cho H giữ rồi cả hai đi bộ vào chợ.

Cả hai đến gần quầy bán quần áo của chị Huỳnh Thị K, Q thấy có bé gái (cháu Trần Thị N) đang đứng mua áo quần, ở túi áo khoác bên trái của cháu N có một phần của chiếc điện thoại di động màu hồng bày ra ngoài nên nhanh chóng tiếp cận cháu N; H đứng gần đó quan sát. Khi đến sát cháu N, Q đưa cánh tay trái có che áo khoác bên trên, dùng ngón trỏ và ngón cái móc chiếc điện thoại hiệu Iphone 6s Plus ra khỏi túi áo khoác rồi quay đi. Cháu N cảm giác bị móc túi, sờ vào túi áo biết mất điện thoại nên liền hô hoán, yêu cầu Q đứng lại; lập tức, Q giấu chiếc điện thoại vào bộ quần áo treo ở manơcanh gần đó rồi quay lại cãi nhau với cháu N. Khi Q giấu thì điện thoại rơi xuống đất. Ngay lúc này, H tiến đến nhặt lấy chiếc điện thoại, cất giấu vào người rồi tẩu thoát. Sau đó, Q bị Công an đưa về trụ sở làm việc.

Qua điều tra, Trần Văn Q và Lê Thị H đã khai nhận hành vi của mình; H đã giao nộp lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus, bên trong ốp lưng có

1.280.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Điền đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng.
- 1.280.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 01 chiếc xe máy, hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75K1-xxx.zz.
- 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Vivo.
- 01 chiếc áo khoác, màu nâu đỏ.
- 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu trắng.
- 01 chiếc quần Jean's dài, màu đen.
- 01 chiếc áo khoác dạ, màu xanh rêu.
- 01 chiếc quần Jean's dài, màu xanh.
- 01 chiếc áo thun, màu vàng.
- 01 đôi dép nhựa, kiểu xỏ ngón, màu đen.
- 01 đôi dép nhựa, kiểu xỏ ngón, màu trắng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐDGTS ngày 09-02-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phong Điền kết luận: Giá trị 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng, đã qua sử dụng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Điền trả lại 01 chiếc xe mô tô, hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75K1-xxx.zz cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 01-4-2021; trả lại 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng cho cháu Trần Thị N vào ngày 02-4-2021 và trả lại 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Vivo cho Trần Văn Q vào ngày 25-5-2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là cháu Trần Thị N và người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại chiếc điện thoại di động; không có yêu cầu bồi thường; đề nghị được nhận lại số tiền 1.280.000 đồng.

Ngày 07-7-2021, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận định giá và các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, các bị cáo đề nghị được nhận lại áo quần, dép đã thu giữ.

Tại Bản cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 17-6-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố Trần Văn Q và Lê Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên

quyết định truy tố. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 18 đến 24 tháng tù. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Đề nghị trả lại số tiền 1.280.000 đồng cho bị hại; trả lại áo, quần, dép đã thu giữ cho các bị cáo.

Trình bày lời bào chữa tại phiên tòa, các bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Văn Q: “Bị cáo mong Tòa giảm nhẹ cho bị cáo được sớm trở về với vợ, con”.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Thị H: “Bị cáo mong Tòa giảm nhẹ hình phạt”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06-02-2021, tại Chợ L thuộc xã H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Trần Văn Q lợi dụng sơ hở, lén lút dùng tay móc lấy 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng, giấu ở manocanh; bị cáo Lê Thị H quan sát và khi thấy chiếc điện thoại rơi xuống đất liền nhặt lấy rồi tẩu thoát.

Giá trị của chiếc điện thoại di động là 3.000.000 đồng, số tiền trong ốp lưng điện thoại là 1.280.000 đồng, tổng cộng 4.280.000 đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) của cháu Trần Thị N. Thời điểm thực hiện hành vi, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của tội phạm, vai trò và nhân thân của bị cáo:

Các bị cáo Trần Văn Q và Lê Thị H là người đã thành niên, nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ nhưng với động cơ muốn có tiền tiêu xài đã nhanh chóng tiếp nhận ý chí của nhau đến khu vực chợ vào dịp gần Tết nguyên đán dùng thủ đoạn giả vờ mua hàng để trà trộn, lén lút “móc túi” chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản người khác, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Bị cáo Q là người có nhân thân xấu; đã nhiều lần bị áp dụng các biện pháp xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, từ giáo dục, xử phạt, kể cả kết án phạt tù nhưng không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Bị cáo H là phụ nữ, có con nhỏ nhưng không gương mẫu chấp hành pháp luật.

Xét tính chất đồng phạm và vai trò thì các bị cáo không có sự câu kết, bàn bạc chặt chẽ nên mang tính chất đồng phạm đơn giản. Bị cáo Q là người khởi xướng, rủ rê và thực hành tích cực. Bị cáo H là người giúp sức, có vai trò đồng phạm. Do đó, bị cáo Q phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo H.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn Q đã bị kết án 02 năm 06 tháng tù tại Bản án số: 15/2017/HS-ST ngày 15-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T; chấp hành xong hình phạt ngày 25-6-2019 chưa được xóa án tích nên lần này phạm vào tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Lê Thị H không phạm vào tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Q “thành khẩn khai báo” nên áp dụng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo H lần này “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo H đang nuôi con nhỏ; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về hình phạt, biện pháp chấp hành hình phạt:

Từ nhận định trên, xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm nhằm răn đe và phòng chống tội phạm.

Bị cáo Trần Văn Q cần thiết áp dụng mức án nghiêm minh và cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo.

Bị cáo H nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; đang nuôi con nhỏ; có khả năng tự cải tạo nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, không cần thiết bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo cải tạo, giáo dục với sự giám sát,

giáo dục của chính quyền địa phương là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus mà các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại cho bị hại; không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét. Số tiền 1.280.000 đồng trong ốp lưng điện thoại của bị hại mà các bị cáo chiếm đoạt đã thu giữ là vật chứng vụ án; bị hại yêu cầu nhận lại nên xem xét khi quyết định xử lý vật chứng.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thấy rằng:

- Số tiền 1.280.000 đồng do Lê Thị H giao nộp là của bị hại Trần Thị N đang gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Phong Điền theo Giấy nộp tiền ngày 30-6-2021 nên trả lại cho bị hại.

- 01 chiếc áo khoác màu nâu đỏ; 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu trắng; 01 chiếc quần Jean's dài, màu đen; 01 đôi dép nhựa, kiểu xỏ ngón, màu trắng thu của Trần Văn Q; 01 chiếc áo khoác dạ, màu xanh rêu; 01 chiếc quần Jean's dài, màu xanh; 01 chiếc áo thun, màu vàng; 01 đôi dép nhựa, kiểu xỏ ngón, màu đen thu của Lê Thị H có giá trị chứng minh người phạm tội. Xét thấy các vật chứng này là vật dụng cá nhân, các bị cáo đề nghị nhận nên trả lại.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus; 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75K1-xxx.zz và 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Vivo đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Điền xử lý trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đúng quy định nên không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị hại là Trần Thị N và người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn Q và Lê Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25-3-2021.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Thị H: 09 (Chín) tháng tù; cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao Lê Thị H cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

- Trả lại số tiền 1.280.000 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) cho bị hại Trần Thị N.

- Trả lại 01 chiếc áo khoác, màu nâu đỏ; 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu trắng; 01 chiếc quần Jean's dài, màu đen; 01 đôi dép nhựa, kiểu xỏ ngón, màu trắng cho Trần Văn Q.

- Trả lại 01 chiếc áo khoác dạ, màu xanh rêu; 01 chiếc quần Jean's dài, màu xanh; 01 chiếc áo thun, màu vàng; 01 đôi dép nhựa, kiểu xỏ ngón, màu đen cho Lê Thị H.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Trần Văn Q và Lê Thị H mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Công an tỉnh TT Huế (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Công an huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- Bị cáo, bị hại, người CQLNVLQ;
- Lưu: HSPA, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Trường